

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Nguyễn Văn Quế

**QUAN ĐIỂM CỦA PHÂM TÂM HỌC
VỀ CON NGƯỜI VÀ VĂN HÓA – VĂN MINH**

Chuyên ngành: Triết học

Mã số: 62 22 03 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ TRIẾT HỌC

HÀ NỘI - năm 2016

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Triết học, Học viện KHXH
- Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học
viện theo Quyết định số..... ngày.....tháng.....năm.....

Vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Thư viện Học viện KHXH

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phân tâm học (psychoanalysis), ở khía cạnh nhất định, giống như các trào lưu triết học phương Tây hiện đại, ra đời không chỉ hướng đến sự phát triển con người về mặt thể chất mà còn hướng đến sự giải phóng con người về mặt tinh thần. Nói cách khác, sự phát triển đầy đủ về đời sống vật chất cần phải song hành với một đời sống tâm thần viên mãn.

Những thành tựu trong khoa học kỹ thuật ở cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX đã làm thay đổi đáng kể bộ mặt của xã hội và con người. Sự phát triển này góp phần làm cho đời sống tinh thần của con người hiện đại trở nên phong phú và phức tạp hơn. Đời sống tinh thần chưa kịp thích ứng với quan niệm mới đã dẫn tới bị ức chế và dồn nén trước những phong tục tập quán, đạo đức, văn hóa của xã hội trước đây. Phân tâm học ra đời ban đầu với phương pháp chữa trị bệnh tâm thần, hướng đến sự giải phóng con người khỏi những ức chế và dồn nén bên trong ảnh hưởng lớn đến các trường phái của triết học nhân bản hiện đại ở phương Tây.

Nhờ sự tìm tòi, nghiên cứu một lĩnh vực hết sức nhạy cảm, Sigmund Freud đã xây dựng nên học thuyết phân tâm học – một trong những học thuyết có ảnh hưởng sâu rộng trong nhiều lĩnh vực của đời sống hiện đại. Hơn một thế kỷ đã trôi qua, giờ đây phân tâm học không còn đóng khung trong những điều mà chúng ta đã từng hình dung về nó, đã phát triển phong phú hơn rất nhiều.

Trong xu thế hội nhập quốc tế đang diễn ra hết sức mạnh mẽ trong giai đoạn hiện nay, khoảng cách văn hóa Đông – Tây ngày càng

có sự giao thoa và hướng lại gần nhau. Bên cạnh những đóng góp tích cực trong việc phát triển con người và xã hội thì sự hội nhập và phát triển này cũng dẫn tới những nguy cơ mới như: nạn ô nhiễm môi trường, sự mất cân bằng sinh thái, nguy cơ khủng hoảng tài nguyên, đối diện với tình trạng bùng nổ dân số, đại dịch,... và hơn nữa đó là tình trạng mất cân bằng tâm lý do đổ vỡ trong tình yêu, hôn nhân, gia đình, sức ép công việc, sự bất ổn bạo động về chính trị, chiến tranh và những di chứng của nó để lại,...đó là những điều làm cho con người ngày càng trở nên tha hóa và ngày càng đánh mất mình trong xã hội. Trong một thế giới đầy biến động như thế, con người cần hiểu rõ hơn về chính mình và những gì con người làm ra trong xã hội.

Đặt trong bối cảnh ấy, thiền nghĩ, nghiên cứu vấn đề con người và văn hóa – văn minh dưới ánh sáng quan điểm của phân tâm học giúp chúng ta có cái nhìn khách quan và biện chứng trong đời sống con người và xã hội, góp phần làm phong phú hơn vào kho tàng lý luận cũng như ý nghĩa thực tiễn. Khi trả lời phóng viên báo Nhân Đạo năm 1969 Bác Hồ nói: “Có lẽ xuất phát từ hoàn cảnh của chúng tôi, chúng tôi phải xây dựng đất nước trước hết bằng văn hóa”, nó chính là nền tảng cốt lõi của lối sống, hành vi ứng xử, đạo đức, phương thức hoạt động sống với sự định hướng giá trị mang lại ý nghĩa cho tồn tại con người và xã hội, nhưng việc tìm hiểu về con người và văn hóa – văn minh đến nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa thấy hết được giá trị của nó. Do vậy, việc làm rõ quan điểm phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh, tiếp thu những mặt tích cực, hạn chế những mặt tiêu cực, giúp chúng ta có thêm những tư liệu để có một cái nhìn toàn diện về

con người và văn hóa – văn minh góp phần giúp con người tới đời sống chân, thiện, mỹ.

Phân tâm học được ví như là đã “*bẻ cong*” tư duy nhân loại sang một hướng khác. Sự ảnh hưởng của phân tâm học đối với xã hội hiện đại rất lớn nhưng sự hoài nghi về học thuyết này cũng không ít nhất là ở các nước phương Đông và các nước Hồi giáo. Phần đông họ xem phân tâm học chỉ là học thuyết về tình dục. Chính những hiểu biết như vậy, đã làm phân tâm học mất đi tính khoa học thực sự của nó. Nghiên cứu về phân tâm học là yêu cầu khách quan và cần thiết trong việc nhìn nhận nhiều vấn đề, trong đó có vấn đề về con người và văn hóa – văn minh.

Từ những nhận thức trên, chúng tôi chọn “*Quan điểm của phân tâm học về con người và văn hoá – văn minh*” làm đề tài luận án tiến sĩ chuyên ngành Triết học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu của luận án là làm rõ quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến luận án.
- Phân tích bối cảnh lịch sử - xã hội và những tiền đề ra đời của phân tâm học.
- Làm rõ nội dung cơ bản quan điểm của phân tâm học về con người.
- Làm rõ nội dung cơ bản quan điểm của phân tâm học về văn hóa – văn minh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là nội dung cơ bản quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phân tâm học là một trào lưu tư tưởng có nội dung lý luận vô cùng phong phú và đa dạng. Trong công trình này, chúng tôi chỉ tập trung làm rõ quan điểm của ba nhà phân tâm học đại diện tiêu biểu đó là Sigmund Freud, Carl Gustav Jung và Erich Fromm. Ở mức độ nhất định, chúng tôi cũng viện dẫn tư tưởng của một số nhà phân tâm học khác như Adler, Sullivan, Herbert Marcuse... Sở dĩ, chúng tôi chủ yếu phân tích tư tưởng của Freud, Jung và Fromm bởi vì đây là những nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn đến sự hình thành, phát triển của phân tâm học. Hơn nữa, so với những nhà phân tâm học khác, chúng tôi cho rằng, trong tư tưởng của Freud, Jung và Fromm có sự kết nối (phê phán, bổ sung và phát triển) rất rõ ràng, nhất là trong quan niệm về con người và văn hóa – văn minh.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Cơ sở lý luận của luận án là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về nghiên cứu lịch sử triết học và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con người và văn hóa – văn minh

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu của luận án là phương pháp biện chứng duy vật, phương pháp lịch sử – cụ thể, phương pháp so sánh đối chiếu, phương pháp diễn dịch quy nạp, phương pháp phân tích

tổng hợp, phương pháp khái quát hóa – trừu tượng hóa, phương pháp chú giải học, nhân học văn hóa,...

5. Đóng góp mới của luận án

- Làm rõ quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh qua tư tưởng của ba nhà phân tâm học tiêu biểu là S. Freud, Carl G. Jung và Erich Fromm.

- Đưa ra một số đánh giá bước đầu về giá trị và hạn chế quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh.

6. Ý nghĩa của luận án

- Luận án góp phần nghiên cứu có hệ thống và sâu những nội dung cơ bản quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh. Luận án có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh ngành triết học và văn hóa học đồng thời cũng là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án gồm có 4 chương (12 tiết).

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Các công trình nghiên cứu về bối cảnh lịch sử - xã hội và những tiền đề ra đời của phân tâm học

Công trình: *Học thuyết Freud* của Tô Kiều Phương; *Triết học phương Tây hiện đại* của Lưu Phóng Đồng; *Ximôn Phrốt* của Diệp Minh Lý; *Freud cuộc đời và sự nghiệp* của Roland Jaccard; *Đại*

cương lịch sử triết học phương Tây hiện đại cuối thế kỷ XIX – nửa đầu thế kỷ XX của Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Anh Tuấn, Nguyễn Thanh; *Nhân học triết học Freud và ảnh hưởng của nó đến nhân học triết học phương Tây hiện đại* do tác giả Đỗ Minh Hợp chủ biên.

Nhìn chung, tổng quan một số công trình nghiên cứu về các điều kiện, tiền đề đưa đến sự ra đời, phát triển phân tâm học, có thể nhận ra điểm chung là các tác giả đã trình bày khá phong phú bối cảnh ra đời và những tiền đề hình thành của học thuyết Freud. Đây là điều quan trọng bởi lẽ chính Freud là người sáng lập phân tâm học. Tuy nhiên, phân tâm học không chỉ dừng lại ở học thuyết Freud, do đó, chúng tôi nhận thấy cần làm rõ thêm bối cảnh và tiền đề hình thành quan điểm phân tâm học về con người và văn hoá – văn minh. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp của các công trình trên, xem đó là những gợi mở quan trọng cần tiếp tục triển khai rộng hơn trong luận án.

1.2. Các công trình tiêu biểu có liên quan đến nội dung quan điểm phân tâm học về con người

Công trình *Phân tâm học* của J.P.Charrier; *Freud đã thực sự nói gì* của David Stafford – Clark; *Phân tâm học áp dụng vào việc nghiên cứu các ngành học văn*, Vũ Đình Lưu; *Sigmund Freud và Tâm phân học* của Phạm Minh Lăng; *Chủ nghĩa Mác phương Tây (trường phái Frankfurt)* của Nguyễn Chí Hiếu và Đỗ Minh Hợp đồng chủ biên; *Nhân học triết học Freud và ảnh hưởng của nó đến nhân học triết học phương Tây hiện đại* do Đỗ Minh Hợp chủ biên; *Tư tưởng triết học của S.Freud* Luận án tiến sĩ, của Tạ Thị Vân Hà; *Jung đã thực sự nói gì?* của Edward Armstrong Bennet; *Bản đồ tâm hồn con người của Jung* của Murray Stein.

Như vậy, tổng quan một số công trình tiêu biểu có liên quan đến quan điểm của phân tâm học về con người, các nhà khoa học đều đi đến một điểm chung rằng “vô thức” là nền tảng tồn tại của đời sống tâm thần nói riêng và đời sống con người nói chung, tìm hiểu về con người chính là quá trình khám phá và nhận thức “vô thức”.

1.3. Các công trình tiêu biểu có liên quan đến nội dung quan điểm của phân tâm học về văn hoá - văn minh

Công trình *Văn hóa học những lý thuyết nhân học văn hóa* của A.A Belik; của *Nhân học triết học Freud và ảnh hưởng của nó đến nhân học triết học phương Tây hiện đại* của Đỗ Minh Hợp chủ biên. Một số công trình do Đỗ Lai Thuý sưu tầm, biên soạn, và giới thiệu như: *Theo vết chân những người khổng lồ: Tân Guylivơ phiêu lưu ký về các lý thuyết văn hóa; Phân tâm học và tình yêu; Phân tâm học và văn hoá tâm linh; Phân tâm học và văn hoá nghệ thuật; Phân tâm học và tính cách dân tộc.*

Như vậy, tổng quan một số công trình tiêu biểu có liên quan đến quan điểm của phân tâm học về văn hóa – văn minh, các tác giả đều đi đến một điểm chung là chủ yếu tập trung vào nội dung phân tâm học Freud về văn hóa – văn minh, chưa bàn nhiều đến các nhà phân tâm học khác như C.Jung và E.Fromm.

Tóm lại, từ tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài luận án, chúng tôi nhận thấy rằng, phân tâm học đã được đề cập và nghiên cứu ở nhiều cách tiếp cận khác nhau với những mức độ đậm nhạt khác nhau. Những thành tựu đạt được của các công trình nghiên cứu từ trước đến nay là không thể phủ nhận, giúp ích rất đáng kể cho hiểu

biết của chúng ta về phân tâm học. Tuy nhiên, các công trình chủ yếu nghiên cứu phân tâm học thông qua tư tưởng của người sáng lập ra nó – Sigmund Freud, trong khi những đại biểu quan trọng khác của phân tâm học chỉ được giới thiệu rất mờ nhạt. Chính vì thế, trong luận án này, chúng tôi không chỉ dừng lại ở tư tưởng của Sigmund Freud, mà còn hướng đến làm rõ quan điểm về con người và văn hóa – văn minh của một số nhà phân tâm học quan trọng khác nhằm cung cấp một cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về phân tâm học.

CHƯƠNG 2

BỐI CẢNH LỊCH SỬ - XÃ HỘI VÀ NHỮNG TIỀN ĐỀ RA ĐỜI CỦA PHÂN TÂM HỌC

2.1. Bối cảnh lịch sử - xã hội

Bối cảnh lịch sử - xã hội phương Tây cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX có những đặc trưng cơ bản sau:

Thứ nhất, chủ nghĩa tư bản ra đời và nhanh chóng chuyển từ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa đế quốc cùng với sự trợ lực mạnh mẽ của các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật đã tạo ra một khối lượng của cải vật chất to lớn cho xã hội, do đó đời sống vật chất của con người hiện đại cũng được cải thiện đáng kể.

Thứ hai, những cuộc chiến tranh giành độc lập và tranh giành thị trường nổ ra lôi kéo hàng ngàn hàng vạn nhân dân lao động tham gia, nhưng cuối cùng cái giá mà họ phải trả đó là sự tổn thương về đời sống tâm thần.

Thứ ba, trong xã hội xuất hiện nhiều mâu thuẫn mới, nhất là mâu thuẫn về đời sống tâm thần của con người: một bên là những

quan niệm truyền thống tốt đẹp, với các phong tục tập quán, đạo đức xã hội Thanh giáo với một bên là những quan niệm về chuẩn mực, lối sống trong xã hội mới đầy sôi động.

2.2. Tiền đề khoa học

Những phát minh khoa học có ảnh hưởng đến quá trình phát triển phân tâm học Freud như:

Thuyết tiến hoá của Charles Dawin (1809 - 1882).

Khái niệm “*năng lượng và định luật bảo toàn năng lượng*” của H.Helmholtz và E.W.Brucke.

“*Thuyết năng lượng chuyên biệt*” của J.Muller.

Khái niệm “Ngưỡng cửa ý thức” của G.T. Fechner khi nói về hoạt động của ý thức.

Phương pháp thôi miên của Breuer

Freud đã tiếp thu các phương pháp chữa bệnh tâm thần, bệnh hysteria ở các nhà khoa học trước cũng như đang thực hành lúc bấy giờ trong quá trình hình thành phân tâm học.

2.3. Tiền đề tư tưởng

Sự ra đời của phân tâm học chịu ảnh hưởng của nhiều tư tưởng như: Thuyết đơn tử của G.W.Leibniz.

“Thuyết ngưỡng ý thức” của F.Herbart

Khái niệm “mệnh lệnh tuyệt đối” của Kant

Tư tưởng triết học của Fichte về vô thức

Tư tưởng triết học của A.Schopenhauer

F.Nietzsche về vô thức

Như vậy, quá trình ra đời, phát triển của phân tâm học ít nhiều chịu ảnh hưởng bởi bối cảnh lịch sử - xã hội và những tiền khoa học,

tư tưởng xét trên nhiều phương diện. Ngay từ khi ra đời phân tâm học đã là một trào lưu tư tưởng nghiên cứu về con người, sau đó tiếp tục mở rộng để tìm hiểu về văn hóa – văn minh trong mối liên hệ và tồn tại của con người với con người, con người với tự nhiên và con người với xã hội.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM CỦA PHÂN TÂM HỌC VỀ CON NGƯỜI

3.1. Vị trí, vai trò của vô thức trong sự hình thành và phát triển con người

Phân tâm học Freud đưa ra quan niệm về nguồn gốc, bản chất của đời sống tâm thần con người được hiểu như sau:

Thứ nhất, không giống như quan điểm truyền thống trước đây xem toàn bộ những hoạt động của đời sống tâm thần con người là do ý thức điều khiển, ngược lại, Freud cho rằng toàn bộ hoạt động của đời sống tâm thần con người chủ yếu là do “vô thức” chi phối hay đó là sự biểu hiện ra bên ngoài của vô thức.

Thứ hai, tất cả mọi hành vi, hoạt động của đời sống tâm thần con người phải được bắt đầu từ vô thức. Nói cách khác mọi hành vi, hoạt động trước khi được ý thức điều khiển phải trải qua giai đoạn vô thức.

Thứ ba, trong đời sống của con người thường xuyên có sự vận động của các hành vi vô thức để được ý thức hóa (tức trở thành hành vi ý thức).

Thứ tư, nói về vai trò của vô thức và ý thức khi nghiên cứu đời sống tâm thần con người. Freud mượn hình ảnh tảng băng trôi để nói về vai trò của hai yếu tố này.

Thứ năm, theo Freud mọi hoạt động của đời sống tâm thần có được là do một loại năng lượng “libido”, năng lượng này mang tính “bản năng”.

Vậy, vô thức là nguồn năng lượng tâm thần nằm sâu bên trong của kết cấu tâm thần con người, bao gồm toàn bộ những bản năng, là kho chứa đựng những nguồn xung lực mãnh liệt của con người, luôn tìm cách vượt rào để thỏa mãn những bản năng ấy. Vô thức là cơ sở chi phối toàn bộ hoạt động đời sống tâm thần con người.

Jung tiếp thu và tiếp tục phát triển lý thuyết về “vô thức” xây dựng và đưa ra quan niệm về “vô thức tập thể”.

Theo Jung, vô thức tập thể là phần sâu nhất bên trong cấu trúc tâm thần con người, nó quyết định đến số phận của các cá thể cũng như xã hội, là nơi lưu trữ những kinh nghiệm của con người nói chung với tư cách là loài, là những tri thức đã có sẵn khi con người sinh ra, mang tính tiên nghiệm. Nó không phụ thuộc vào môi trường hay hoàn cảnh như cách nhìn của các nhà tâm lý học, triết học, hay về mối quan hệ giữa cha mẹ và con cái trong giai đoạn trẻ con của Freud.

Kế thừa nội dung về “vô thức” trong phân tâm học Freud và quan điểm về con người là tổng hòa những quan hệ xã hội của triết học Marx, Fromm cho rằng, trong bất kỳ xã hội nào cũng có những tư tưởng, tình cảm vươn lên đến trình độ ý thức nhưng cũng có cái (tư tưởng, tình cảm) chỉ tồn tại ở vô thức, Fromm gọi đó là “vô thức xã hội”, là lĩnh vực trong tâm thần con người bị xã hội kìm nén không được giải tỏa.

Phân tâm học ra đời và phát triển đã mở ra cho chúng ta một cách tiếp cận mới về “bản thể” tồn tại người trong thế giới đó là vô thức (vô thức cá thể, vô thức tập thể và vô thức xã hội).

Đóng góp quan trọng của Phân tâm học là khi nhìn nhận đời sống tâm thần con người đã thấy được năng lượng tâm thần vô thức tác động lớn đến con người từ đó để nhận thức rõ hơn về con người, về bản tính người trong đời sống xã hội và cuộc sống cá nhân, từ đó, để định hướng giá trị sống cho con người hướng đến Chân, Thiện, Mỹ.

3.2. Lý thuyết về nhân cách

Lý thuyết về nhân cách có một vị trí đặc biệt quan trọng trong sự phát triển của con người. Lần đầu tiên trong lịch sử tư tưởng nhân loại, phân tâm học xem nhân cách con người bị chi phối bởi những động cơ bên trong của những gì mà con người không kiểm soát được – vô thức. Phân tâm học Freud cho rằng, mọi hành vi của con người đều có nguồn gốc từ vô thức nhưng trong đó yếu tố thúc đẩy hành động là bản năng tính dục (libido).

Khi nghiên cứu về các chứng bệnh tâm thần, Freud dùng mô hình nhân cách xem con người làm thế nào để làm chủ được bản năng trong quá trình hình thành nhân cách. ông đưa ra cơ cấu nhân cách của con người bao gồm ba bộ phận cấu thành: phi Ngã, (Id); Ngã (Ego); Siêu Ngã (Superego).

Giữa phi Ngã, Ngã và siêu Ngã không có ranh giới rõ ràng, chúng thống nhất trong một hệ thống nhân cách con người nhưng giữa chúng luôn có sự tác động qua lại lẫn nhau. Phi Ngã bất chấp hiện thực, chỉ luôn muốn thỏa mãn bản năng tính dục tìm kiếm khoái lạc, siêu Ngã dựa vào những chuẩn mực đạo đức thực hiện hạn chế

đối với những dục vọng và hành động của con người, còn Ngã thì hoạt động ở giữa phi Ngã và siêu Ngã, vừa thông qua tri giác và tư duy để thỏa mãn những yêu cầu của phi Ngã, vừa làm hệ thống kiểm soát xua đuổi những ham muốn trái với quy phạm đạo đức của con người muốn trở về vô thức, có tác dụng điều tiết, khống chế hoạt động tâm thần của con người. Ngã luôn trong tình trạng “trên đe dưới búa”, phải làm sao để “trung hòa” được phi Ngã và siêu Ngã.

Theo Freud, sự phát triển bản năng tính dục (libido) thời thơ ấu có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với nhân cách con người. Ông xem đây là những giai đoạn quyết định đến sự hình thành nhân cách con người.

Jung tiếp tục phát triển lý luận nhân cách thông qua nghiên cứu và điều trị bệnh tâm thần, phân tích giấc mơ, nghiên cứu các huyền thoại, huyền tưởng, các chuyện cổ tích. Để đồng hóa cái tôi vào một nhân cách rộng lớn cần phải thông qua các archetype. Trong quá trình tìm hiểu archetype, Jung nhận ra trong số rất nhiều archetype, có một số loại archetype thể hiện quá trình phát triển nhân cách theo một dòng liên tục đó là persona, shadow, anima, animus, self.

Theo Jung, con người cần vượt qua các biểu tượng nhân cách như: persona, shadow, anima, animus và self bằng con đường “cá thể hóa” để đạt tới nhân cách hoàn thiện và tốt đẹp. Đây là đóng góp quan trọng của Jung trong lý luận về nhân cách, bởi khi phải đối diện với một xã hội luôn thay đổi, nó giúp cho chúng ta nhìn nhận đúng bản thân mình, xem nhân cách của mình đạt tới mức độ nào.

3.3. Tích hợp học thuyết Marx và phân tâm học về con người trong lý thuyết nhân bản của Erich Fromm

Nghiên cứu một cách hệ thống vấn đề con người trên nhiều phương diện như phân tâm học, tâm lý xã hội, nhân học triết học, xã hội học, Fromm sử dụng nhiều luận điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử và kinh tế chính trị học của Marx, với mục đích kết hợp phân tâm học Freud với học thuyết xã hội của Marx vào để giải thích vấn đề con người. Theo Fromm, Marx là người có công lớn là đưa ra và luận chứng những mong muốn và lợi ích có tác động và quyết định hành vi con người một cách không phụ thuộc vào con người, mà những mong muốn và lợi ích đó đa số là do xã hội chi phối. Còn Freud khám phá và chỉ ra nội dung phong phú của “vô thức” trong con người, cái chi phối đời sống tâm thần của con người.

Để con người thoát ra khỏi xã hội tha hoá, Fromm đã viện vào triết học Marx trong việc giải phóng con người trong xã hội tư sản. Theo Fromm, con người được Marx nhìn nhận cùng với toàn bộ hoàn cảnh lịch sử - xã hội, gắn với giai cấp cụ thể, đồng thời con người cũng là tù nhân của điều kiện ấy. Do vậy, để giải phóng con người khỏi các lực lượng nô dịch của xã hội, con người phải nhận thức được các lực lượng ấy cũng như cải tạo nó trên những cơ sở đã nhận thức chúng.

Khi nói về quá trình phát triển nhân cách con người, Fromm dựa vào những khám phá mang tính nền tảng của Freud, nhất là sự tác động của vô thức trong quá trình hình thành nhân cách. Ở Freud, nhân cách con người bị chi phối bởi vô thức với những hành vi bản năng tính dục trong thời kỳ tuổi thơ, thì với Fromm, ngoài những yếu

tổ vô thức chi phối trong mỗi con người tác động đến sự hình thành nhân cách còn phụ thuộc vào sự tác động của ngoại cảnh – Fromm gọi là “tính cách xã hội” .

Từ đó, Fromm đưa ra năm mô hình nhân cách ảnh hưởng từ mô hình kinh tế xã hội, để con người có thể lựa chọn cá tính nhân cách của mình cho phù hợp với tính cách xã hội.

Mô hình thứ nhất, xu hướng đón nhận

Mô hình thứ hai, xu hướng khai thác người khác

Mô hình thứ ba, xu hướng hàng rào

Mô hình thứ bốn, xu hướng tiếp thị

Mô hình thứ năm, xu hướng hiệu quả

Theo Fromm, bốn mô hình nhân cách đầu tiên có khả năng đẩy con người tới bờ vực của sự khủng hoảng và mất cân bằng trong cuộc sống bởi vì nó tồn tại trên nền tảng vật chất tập trung vào tiêu thụ, chiếm hữu và sở hữu. Còn mô hình nhân cách thứ năm có lối vận hành trên nền tảng tâm thần, ở đây con người mới thực sự là chính mình, không phải dùng mặt nạ để giao tiếp với người khác và xã hội.

Như vậy, Fomm đã tích hợp cả tư tưởng của Freud và Marx về con người theo lăng kính của riêng mình, tuy còn nhiều vấn đề cần phải xem xét, song quan điểm của phân tâm học Freud và quan điểm của triết học Marx về con người đã được Fromm bổ sung cho nhau.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM CỦA PHÂN TÂM HỌC VỀ VĂN HÓA – VĂN MINH

4.1. Nguồn gốc và bản chất của văn hóa – văn minh

Freud dùng phức cảm Oedipe để giải thích nguồn gốc của hiện tượng văn hóa nguyên thủy - Tục thờ vật tổ. Freud muốn thông qua việc khảo sát tục tôtem để tìm ra những điểm tương đồng giữa những nét văn hóa (được biểu hiện qua nghi thức tôn giáo của sự thờ cúng tôtem và những hành động cũng như những niềm tin ám ảnh của người nhiều tâm).

Như vậy, theo quan điểm của phân tâm học, văn hóa ra đời là do những lầm lỗi của con người, những lầm lỗi này xuất phát từ trong sâu thẳm vô thức luôn mong muốn thỏa mãn ra bên ngoài.

Nếu Freud, dùng bản năng tính dục và mặc cảm Oedipe để tiếp cận và nghiên cứu về nguồn gốc của văn hóa, thì Jung dùng archetype trong “vô thức tập thể” như là một hiện tượng văn hóa bổ sung vào nghiên cứu về văn hóa – văn minh của ông. Từ đó, Jung đưa ra một số luận điểm trong nghiên cứu lý thuyết về văn hóa – văn minh của mình.

Nhờ sự phát hiện về “vô thức tập thể”, Jung đã tìm thấy các archetype – một biến thể độc đáo của văn hóa biểu tượng. Trong quá trình phân tích văn hóa – văn minh, Jung xem hữu thức và vô thức là hai yếu tố bổ sung cho nhau, và cả hai đều là ngọn nguồn của văn hóa – văn minh.

4.2. Vai trò của văn hóa – văn minh trong đời sống con người và xã hội

Qua việc làm rõ vấn đề văn hóa – văn minh phân tâm học Freud cho chúng ta thấy được vai trò và bản chất của văn hóa – văn minh trong đời sống của con người và xã hội như sau:

Thứ nhất, văn hóa – văn minh đem lại cho con người những sự bù trừ cho những tình cảm bất lực, những dồn nén và những sự bất an trước vũ trụ bao la bằng hình thức thăng hoa (thay thế) những dồn nén, xung đột ẩn ức trong vô thức vào trong tôn giáo, văn học nghệ thuật, khoa học,....

Thứ hai, văn hóa – văn minh trong quá trình phát triển tạo ra những thành tựu chung mang tính cộng đồng luôn đoàn kết những cá thể riêng lẻ lại với nhau, là sự kết hợp những năng lực tâm thần bị dồn nén trong các nghi lễ tôn giáo, vì khi tham gia những nghi lễ tôn giáo mọi người đều cảm thấy những dồn nén, những ức chế được giải tỏa về đời sống tâm thần.

Thứ ba, văn hóa – văn minh đem lại cho cuộc sống con người và xã hội những cấm đoán, những quy tắc, luật lệ mang tính nhân văn, đó là những chuẩn mực, những giá trị nhằm điều chỉnh các hành vi của con người trong các quan hệ của họ, trong cùng một cộng đồng. Điều ấy làm cho những hành vi của con người được thực hiện một cách vừa tự giác, vừa bắt buộc tùy thuộc vào sự nhận thức của họ. Khi sống và hành động theo những cấm đoán, những quy tắc, luật lệ con người trở thành tuyệt đối, và những giá trị mà nó đem lại vượt mọi thời gian và không gian.

Nếu vai trò của văn hóa - văn minh ở Freud được biểu hiện chủ yếu thông qua tôn giáo, thì vai trò của văn hóa – văn minh được Jung giải thích thông qua archetype và giấc mơ.

Những hình ảnh archetype dưới hình thức nguyên thủy nhất có thể thâm nhập vào ý thức các dân tộc, tạo nên những hình thức văn hóa – văn minh, vì rằng “tâm hồn dân tộc chỉ là một cấu trúc có phần phức tạp hơn tâm hồn cá thể”.

Khi nghiên cứu những biểu tượng với tư cách là những biểu tượng văn hóa, Jung cho rằng có hai loại hình biểu tượng. Thứ nhất, “biểu tượng tự nhiên”, loại này có nội dung phi ý thức thoát thai từ cái psyche, từ đó nó biến đổi ra nhiều các hình ảnh có tính biểu tượng chính yếu khác, trong nhiều trường hợp người ta tìm thấy nguồn cội tối sơ của chúng, ý nghĩa và hình ảnh này được tìm thấy ở các xã hội cổ sơ; thứ hai, “biểu tượng văn hóa”, đây là những biểu tượng dùng để diễn tả những chân lý vĩnh cửu. Những biểu tượng này trong quá trình tồn tại đã có những thay đổi. .

Sau khi nhìn ra vai trò của biểu tượng từ giấc mơ, hiểu được những biểu tượng ấy, cuộc sống con người với bản vị thực của mình, với đời sống hiện thực của mình trở nên tốt đẹp hơn. Bởi chính ý nghĩa của cuộc sống được diễn tả qua những archetype và biểu tượng của giấc mơ, Theo Jung, “đó là cơ sở cuối cùng của cuộc sống con người”.

4.3. Văn hóa của xã hội hiện đại theo quan niệm của E.Fromm

Fromm cho rằng, đặc điểm phổ biến và lớn nhất của nền văn minh công nghiệp là “tha hóa”. Tha hóa chính là những khuyết tật của đời sống xã hội hiện đại, có mặt bất cứ nơi nào nếu con người đánh mất tính chủ động đối với cuộc sống của chính mình, tức là

chấp nhận cuộc sống bị áp đặt. Fromm phân tích những đặc trưng của những xã hội trước đó, và cố gắng chỉ ra con đường thoát khỏi “tha hóa” cho con người.

Văn hóa công nghiệp hiện đại nửa sau thế kỷ XX là văn hóa của một xã hội hoàn toàn tha hóa từ đó sản sinh ra kiểu thị trường của tính cách xã hội làm mất đi sự định hướng những giá trị bên trong con người. Đặc điểm của một xã hội như vậy là cảm xúc giả tạo, sự thần tượng hóa, tình yêu méo mó và nhiều bệnh thần kinh liên quan đến đời sống vô nghĩa và vô hồn xuất hiện. Do vậy cần phải tìm cách để thoát ra khỏi đời sống ấy.

Từ đó ông viện dẫn vào tôn giáo như là phương diện quan trọng nhất của đời sống tâm thần nhân loại có thể giải thoát cho con người khỏi sự tha hóa.

Theo Fromm, tâm lý tôn giáo sẽ đáp ứng được nhu cầu tâm lý của con người trong xã hội hiện đại. Ông chia tôn giáo ra thành hai loại: Tôn giáo quyền uy (tôn giáo độc đoán) và tôn giáo nhân bản. Tôn giáo quyền uy thừa nhận có một sức mạnh tối cao nào đó chỉ huy số phận con người, và điều mà làm cho tôn giáo mang tính quyền uy tức là “phải được phục tùng, tôn kính, và thờ phượng” thể hiện một quyền năng cao hơn con người. Ngược lại, trong tôn giáo nhân bản vấn đề của tôn giáo không còn là vấn đề của thượng đế mà là vấn đề con người, con người có địa vị trung tâm.

Bởi theo ông, mục đích của bất kỳ tôn giáo nào cũng mong muốn đem lại cho con người Chân - Thiện - Mỹ, cũng như mục đích của phân tâm học Fromm đưa ra vấn đề tâm lý tôn giáo nhằm giúp

cho con người có một cuộc sống ổn định, hạnh phúc hơn về đời sống của mình, nhất là đối với đời sống tâm thần.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu quan điểm của phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh nói riêng và phân tâm học nói chung ở Việt Nam trong vài thập niên trở lại đây có xu hướng mở rộng, nhưng phần lớn những công trình phân tâm học chủ yếu nghiên cứu tư tưởng Freud, người sáng lập ra phân tâm học, nên những tác phẩm nghiên cứu về phân tâm học sau Freud còn hạn chế.

Phân tâm học cũng như các trào lưu triết học phương Tây hiện đại là sự phản tư, kết hợp tinh thần nhân văn của con người và xã hội phương Tây, cũng là những hình thái ý thức xã hội, phản ánh đời sống xã hội lúc bấy giờ, do vậy, phân tâm học không thể tách rời những điều kiện và tiền đề hình thành của mình. Là một trong những thành tựu lớn của Y học và tâm lý học, một phương pháp mới trong điều trị bệnh tâm thần, về sau phân tâm học trở thành một học thuyết nghiên cứu con người và xã hội.

Phân tâm học định hướng vào làm rõ cơ sở tồn tại người, kết cấu của bộ máy tâm thần, những nguyên tắc hoạt động sống của cá thể và tập thể dựa trên sự vận dụng lý thuyết về vô thức (vô thức cá thể, vô thức tập thể và vô thức xã hội). Thông qua việc làm rõ vị trí, vai trò, đặc điểm của vô thức, cấu trúc của bộ máy tâm thần con người và sự tác động qua lại của những yếu tố trong cấu trúc ấy ở các giai đoạn phát triển khác nhau của đời sống tâm thần con người. Điểm nổi bật trong Phân tâm học về con người là dịch chuyển bản thể tồn tại người

từ thực tại vật chất sang thực tại tâm thần, bên trong thực tại tâm thần là sự dịch chuyển từ sự quyết định của hữu thức sang vô thức. Sự dịch chuyển này trong bản thể tồn tại người tuy còn một số hạn chế, nhưng việc chỉ ra bản chất của thực tại tâm thần con người của Phân tâm học có những đóng góp quan trọng trong quan niệm về con người góp phần vào nhận thức rõ và đầy đủ trong vấn đề nhìn nhận tồn tại người trong thế giới. Xem vô thức là bản thể tồn tại người, Phân tâm học khảo cứu con người trong mối quan hệ với con người, con người với tự nhiên và con người với xã hội, làm rõ cơ chế biểu hiện của vô thức trong đời sống con người trong sự tương tác với văn hóa – văn minh.

Với vô thức cá thể, Freud xem văn hóa – văn minh phát sinh gắn với sự sụp đổ của tính tập thể bày đàn, đó là từ tội lỗi của những người con trai kết hợp lại để giết người Cha của mình. Sau đó, tất cả những người con trai trưởng thành lại đặt ra những lệ cấm. Đây chính là bước chuyển từ quan hệ theo bản năng sang quan hệ theo chuẩn mực “cấm kỵ”, là kết quả của sự lấn át bản năng tính dục và tôn giáo ra đời là để thỏa mãn những xung đột nội tâm của ba yếu tố trong bộ máy tâm thần con người là phi Ngã, Ngã và siêu Ngã. Tôn giáo là tài sản tinh thần của nền văn minh, hình thành từ sự nghiêm khắc, áp lực của người Cha và sự phạm tội của những người con thông qua mặc cảm Oedipe, có vai trò to lớn trong đời sống là giúp cho con người thỏa mãn những bản năng vô thức. Freud xuất phát từ sự đối lập giữa cá thể với văn hóa, cá thể với xã hội nên ông cho rằng văn hóa là kết quả của của sự lấn át bản năng tính dục của con người trên cơ sở hạn chế những cấm đoán, những đam mê, dục vọng bẩm sinh chính điều này, cá thể chính là kẻ thù của văn hóa. Freud chưa nhìn thấy vai trò

của lịch sử khi xem xét văn hóa, nhưng ông lại có đóng góp quan trọng khi cho rằng, muốn đạt tới văn hóa, con người phải biết từ bỏ hay hạn chế một số bản năng để hướng tới sự tôn trọng và yêu thương là cơ sở để mỗi người có được hạnh phúc.

Với vô thức tập thể chứa đựng toàn bộ archetype, là vật trầm tích, của tất cả những cái mà nhân loại trải nghiệm cho đến tận nguyên lý ban đầu của nó, là hệ thống sinh động của những phản ứng và sắp đặt, hệ thống này là những archetype nằm trong vô thức tập thể mang tính mờ ảo, bằng những hình ảnh tập thể, nó sẽ xác định thực tế của cá thể, là những mô hình nhận thức và biểu tượng của văn hóa. Thông qua archetype, Jung tìm ra trong kho tàng thế giới tâm thần của con người, những nét văn hóa mang bản chất chung của loài người, Jung phát hiện ra nguồn gốc sâu xa của một số hiện tượng trong các nền văn hóa khác nhau có một sự giống nhau như những hình ảnh trong giấc mơ dù là người da màu hay da trắng, dù là học thức cao hay học thức thấp,...và ý nghĩa phổ biến của những biểu tượng trong lịch sử giữa các nền văn hóa, con người cần tìm về những yếu tố có chung trong các nền văn hóa, như thế con người sẽ tìm được tiếng nói chung và sống với nhau ngày càng tốt đẹp.

Fromm coi nền văn minh công nghiệp hiện đại trong thế kỷ XX là văn hóa của một xã hội hoàn toàn tha hóa. Trong nền văn minh này những quy định, quy tắc cùng với những điều làm con người không thỏa mãn sẽ dồn nén rơi chìm vào “vô thức xã hội”. Đặc điểm của xã hội này là cảm xúc giả tạo, sự thần tượng hóa, tình yêu méo mó, bệnh nhiễu tâm liên quan đến cuộc sống vô nghĩa. Fromm và những người theo Chủ nghĩa Freud mới đề nghị, Phân tâm học nên chuyển hướng từ

sinh vật học sang xã hội học. Nghĩa là nó nên tự nhận mình như là một trong những ngành khoa học xã hội hơn là một khoa học về tự nhiên. chúng ta thấy rằng con người trước hết là một thực thể xã hội (chứ không phải là một thực thể sinh học như quan điểm của Freud), con người không thể tự mình mà luôn cần những người khác để thỏa mãn những nhu cầu bản năng của anh ta. Sự biến đổi của những điều kiện kinh tế xã hội sẽ dẫn đến sự biến đổi tính cách xã hội, làm nảy sinh những nhu cầu và lo âu mới... mặt khác, tính cách không phải là kết quả của sự thích nghi thụ động mà của sự thích nghi năng động với hoàn cảnh xã hội. Cách lý giải này về xã hội hiện đại giúp chúng ta có nhận thức đầy đủ hơn về sự ảnh hưởng của tính cách xã hội đến đời sống con người và nền văn hóa chúng ta đang tồn tại. Theo Fromm, những đam mê của con người không phải bắt nguồn từ những nhu cầu có tính bản năng, mà từ những điều kiện hiện sinh cụ thể của con người. Nhưng để những bản năng được thỏa mãn, con người không tìm thấy ở đâu ngoài đời sống tâm lý tôn giáo.

Nghiên cứu quan điểm của Phân tâm học về con người và văn hóa – văn minh là xem xét quan điểm của phân tâm học về bản thể tồn tại người, nhân cách người vận dụng vào nghiên cứu lĩnh vực nhân văn của con người – lĩnh vực văn hóa – văn minh để thấy được sự ảnh hưởng và vai trò của văn hóa – văn minh trong đời sống xã hội và con người, từ đó nhận ra những yếu tố tích cực và hạn chế những yếu tố tiêu cực của phân tâm học về vấn đề này. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của một luận án chúng tôi mới bước đầu tìm hiểu, tiếp cận tư tưởng của ba nhà phân tâm học Freud, Jung và Fromm. Chúng tôi cho rằng, phân tâm học là một lĩnh vực khá rộng lớn cần được tiếp tục nghiên

cứu quy mô rộng lớn và sâu sắc hơn, nhất là nghiên cứu phân tâm học như một sợi chỉ xuyên suốt từ Freud (cha đẻ của phân tâm học) tới các thế hệ tiếp theo và giai đoạn hiện nay.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Nguyễn Văn Quế (2016), “Vai trò của tôn giáo trong xã hội hiện đại qua sự kiến giải của Erich Fromm”, trong Nguyễn Thế Phúc, Ngô Văn Trân (đồng chủ biên), *“Triết học tôn giáo với những vấn đề nhân sinh quan: Lý luận và thực tiễn”*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2016, tr. 30 - 44.

2. Nguyễn Văn Quế (2015), “Vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội dưới góc nhìn Phân tâm học của S.Freud”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, ISSN: 1859-0403, số 4, tr. 13 – 22.

3. Nguyễn Văn Quế (2015), “Lý luận về biểu tượng nhân cách theo tư tưởng của Carl Gustav Jung”, *Thiết bị giáo dục*, Hiệp hội thiết bị giáo dục Việt Nam, ISSN: 1859-0810, số 7, tr. 193 – 196.

4. Nguyễn Văn Quế (2013), “Tôn giáo theo quan điểm của phân tâm học”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, Viện Nghiên cứu Tôn giáo – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, ISSN: 1859-0403, số 11, tr. 3 – 10.

5. Nguyễn Văn Quế (2012), “Sự tiếp nhận Phân tâm học ở Việt Nam: Lịch sử và vấn đề”, Kỷ yếu hội thảo quốc tế *Triết học Áo và ý nghĩa hiện thời của nó*, Viện Triết học, tr.15 – 25.

6. Nguyễn Văn Quế (2011), “Quan điểm của Phân tâm học về tôn giáo”, *Y học thực Hành*, Số 757 + 758, tr. 224 – 229.

7. Nguyễn Văn Quế (2011), “Vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội dưới góc nhìn của Phân tâm học”, *Y học thực Hành*, Số 757 + 758, 2011, tr. 312 – 318.